

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST

Ngày: 11/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Vũ Ngọc

Ông Phạm Sỹ Ba

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 16/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/HSST-QĐ ngày 11/6/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn 5, xã B, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị N; bị cáo có vợ là Đàm Thị V (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; nhân thân : Năm 2008 đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục LĐ-XH số 4, huyện Ba Vì, TP.Hà Nội. Năm 2011 đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy Bồ Lá, huyện Phú Giác, tỉnh Bình Dương. Năm 2015 đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 05/01/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Trần Tất T, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn T, xã Tr, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tất Đ và bà Trịnh Thị T; bị cáo có vợ là Mai Thị V và 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 05/01/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Lê Hữu Đức, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn K, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu D và bà Lê Thị N; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 25/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 05/01/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

* Người bị hại:

1. Ông Uông Ngọc Đ, sinh năm: 1954, vắng mặt
2. Chị Trần Thị Q, sinh năm: 1975, vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Anh H, sinh năm: 1991, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn U, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 12/7/2018, Nguyễn Hữu N rủ Trần Tất T đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài, T đồng ý. Sau đó N điều khiển xe mô tô BKS 33N-9205 (xe T mượn của anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1979 ở thôn 4, xã L, huyện Q) chở T xuống khu vực bờ biển thuộc thôn 6, xã T, huyện Q. Trên đường đi, N phát hiện chiếc xe mô tô BKS 36H4-2429 của ông Uông Ngọc Đ sinh năm 1954 ở Thôn 6, xã Quảng T, huyện Q, đang dựng ở rìa đường, không có người trông coi, chìa khóa đang cắm ở ổ điện. N nói với T “Mày đứng ngoài trông coi cảnh giới người cho tao”, T đồng ý đứng ngoài canh gác, N đi bộ lại chiếc xe vặn khóa điện, nổ máy rồi điều khiển chiếc xe về nhà Nam ở thôn 5, xã B, huyện Q cất giấu để làm phương tiện đi lại và tìm nơi tiêu thụ. Ngày 15/7/2018, ông Đ đi tìm xe thì phát hiện chiếc xe của mình N đang sử dụng nên đến khoảng 15 giờ cùng ngày, ông Đ đến nhà N và yêu cầu N trả lại chiếc xe mô tô cho mình, N đã trả lại chiếc xe mô tô cho ông Đ. Ngày 25/12/2018, ông Đ đến cơ quan Công an huyện Quảng Xương báo cáo và giao nộp chiếc xe trên để phục vụ điều tra. Đến 10 giờ ngày 27/12/2018 Nguyễn Hữu N và Trần Tất T đến Công an huyện Quảng Xương đầu thú.

Ngoài ra Nguyễn Hữu N còn khai nhận thực hiện 02 vụ trộm cắp khác gồm:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ ngày 22/10/2018, do không có tiền sử dụng ma túy, N đi bộ xuống xã T, huyện Q để trộm cắp tài sản. Khi đi đến cổng trường mầm non xã T, N phát hiện chiếc xe wave BKS72P-7337 của chị Trần Thị Q, sinh năm 1975 ở thôn 5, xã T, huyện Q đang dựng ở trước cổng trường, chìa khóa đang cắm ở ổ điện, quan sát không có người trông coi nên N đã mở ổ

khóa điện và điều khiển xe về nhà mình cất giấu. Đến khoảng 08 giờ ngày 25/10/2018, Trần Tất T và Lê Hữu Đ xuống nhà N chơi thì N nói với T và Đ “mang chiếc xe trộm cắp được đi cầm lấy tiền tiêu”, T và Đ đồng ý. Sau đó T và Đ điều khiển chiếc xe tìm chỗ cầm, nhưng do xe không có giấy tờ nên T và Đ không tiêu thụ được chiếc xe mà phải mang về nhà N để cất giấu. Đến 15 giờ cùng ngày, Đ một mình điều khiển chiếc xe trên đi về xã N, huyện Q thì gặp anh Nguyễn Anh H sinh năm 1991 ở thôn U, xã N, huyện Q. Đ nói với anh H “Anh cầm cho em chiếc xe máy”, H hỏi “xe có giấy tờ không”, Đ trả lời “xe của N bạn em”. Hai điện thoại hỏi thì N nói dối là xe của N nên H đồng ý cho Đ cầm xe với giá 700.000^d. Số tiền cầm xe, Đ mua ma túy rồi cùng N, T sử dụng tại nhà N.

Căn cứ vào lời khai của N, T, Đ, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã đến nhà anh Nguyễn Anh H thông báo chiếc xe anh H cho T cầm là xe do trộm cắp mà có nhưng H không có nhà nên ông Nguyễn Văn S (bố của H) đã tự nguyện chiếc xe cho cơ quan Cảnh sát điều tra để giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 14/01/2019, cơ quan CSĐT tiếp tục làm việc với Nguyễn Anh H, H trình bày khi H cho Đ cầm cố chiếc xe BKS 72P-7337 thì H không biết chiếc xe do N trộm cắp mà có. Lời khai của H phù hợp với lời khai của Đ và N nên không có cơ sở xử lý hình sự đối với H.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 05 giờ một ngày vào cuối tháng 10/2018 (N không nhớ rõ ngày nào), N đi bộ đến xã Th, huyện Q thì phát hiện một chiếc xe mô tô wave BKS36H9-2095 đang dựng trong sân một nhà dân, không có người trông coi, nhà không có cổng và tường rào, N lên vào rút rắc điện của xe ra rồi đẩy lùi xe ra cổng, nổ máy điều khiển xe về nhà cất giấu làm phương tiện đi lại. Sau khi đầu thú tại Cơ quan công an huyện Quảng Xương thì N đã giao nộp lại chiếc xe mô tô BKS 36H9-2095 cho cơ quan Công an để phục vụ điều tra. Quá trình điều tra thì không xác định được chủ sở hữu của chiếc xe mô tô BKS 36H9-2095. Cơ quan CSĐT công an huyện Quảng Xương đã tách hành vi của N để tiếp tục điều tra, khi nào xác định được người bị hại sẽ khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với N.

Ngày 02/01/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương đã định giá kết luận chiếc xe mô tô wave alpha BKS36H4-2429 trị giá 4.800.000^d; chiếc xe mô tô wave alpha BKS72P-7337 trị giá 3.700.000^d.

Ngày 30/01/2019, cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại hai chiếc xe mô tô BKS 36H4-2429 và xe mô tô BKS 72P-7337 cho ông Ông Ngọc Đ và chị Trần Thị Q.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 33N-9205 mà N và T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác minh chiếc xe mô tô BKS 33N-9205 là của anh Bùi Mạnh T. Khi T mượn xe, anh T không biết việc T dùng xe của mình để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương không thu giữ chiếc xe trên là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số 16/CTr-VKS ngày 12/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Quảng Xương để

xét xử bị can Nguyễn Hữu N, Trần Tất T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Lê Hữu Đ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự và tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 38; 58 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hữu N.

Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; 58 Bộ luật Hình sự đối với Trần Tất T.

Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Lê Hữu Đ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu N từ 15 đến 18 tháng tù

Bị cáo Trần Tất T từ 07 đến 09 tháng tù

Bị cáo Lê Hữu Đ từ 09 đến 12 tháng tù

Miễn hình phạt bổ sung cho 3 bị cáo.

- Người bị hại là ông Uông Ngọc Đ và chị Trần Thị Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến như sau: ông Uông Ngọc Đ và chị Trần Thị Q đã nhận lại hai chiếc xe mô tô bị mất, không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Anh H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra thể hiện: Vì anh H không biết chiếc xe mô tô BKS 72P-7337 là do N trộm cắp mà có nên anh H mới cho Đ cầm cố; số tiền cầm cố 700.000^d, anh H không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại cho anh.

- Ý kiến của ba bị cáo: Thống nhất với nội dung cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không có tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, cơ quan truy tố, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ và những người này đã có lời khai, ý kiến trong quá trình điều tra. Xét thấy những người này vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu N, Trần Tất T, Lê Hữu Đ tại phiên tòa, thấy phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá và các tài liệu khác thu thập trong quá trình điều tra vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, nên khoảng 07 giờ ngày 12/7/2018, tại khu vực bờ biển thuộc thôn 6, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Hữu N và Trần Tất T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 36H4-2429 trị giá 4.800.000^d của ông Uông Ngọc Đ.

Ngoài ra vào khoảng 07 giờ ngày 22/10/2018, tại cổng trường mầm non xã Th, huyện Q, Nguyễn Hữu N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 72P-7337 trị giá 3.700.000^d của chị Trần Thị Q. Sau đó đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Lê Hữu Đ biết chiếc xe mô tô BKS 72P-7337 là tài sản do Nguyễn Hữu N trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mang xe đi cầm cố cho anh Nguyễn Anh H lấy 700.000^d để mua ma túy sử dụng cùng N và T.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu N và Trần Tất T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Lê Hữu Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với Nguyễn Hữu N và Trần Tất T và Lê Hữu Đ là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[2.2] Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để dẫn đến đồng thời phòng ngừa chung.

Trong vụ án, bị cáo N và bị cáo T cùng tham gia trộm cắp tài sản vào ngày 12/7/2019, nhưng không có sự bàn bạc và cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc dạng đồng phạm giản đơn. Bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T trộm cắp tài sản và N cũng là người trực tiếp mở khóa điện để trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 36H4-2429 của ông Uông Ngọc Đ, nên N giữ vai trò thứ nhất. Khi được N rủ đi trộm cắp tài sản thì Th đã đồng ý tham gia và cảnh giới cho N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vì vậy T có vai trò thứ hai sau N

[2.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi hành vi trộm cắp tài sản của N, T và hành vi tiêu thụ tài sản do N trộm cắp được mà có của Đ bị phát hiện thì cả ba bị cáo đều đến cơ quan công an huyện Quảng Xương để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố bị cáo là bệnh binh. Vì vậy bị cáo N và Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cả ba bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Bị cáo N đã ba lần bị đi cai nghiện bắt buộc. Bị cáo Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" vào ngày 25/5/2010.

[2.4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải cách ly ba bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[2.5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Uông Ngọc Đ và bà Trần Thị Q đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 36H4-2429 và chiếc xe mô tô BKS 72P-7337 bị mất, không yêu cầu gì thêm về dân sự. Anh Nguyễn Anh H không yêu cầu bị cáo Đ phải trả số tiền 700.000^d mà anh H đã cầm cố chiếc xe cho Đ. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Buộc các bị cáo N, T, Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 38; 58 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hữu N.

Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; 58 Bộ luật Hình sự đối với Trần Tất T.

Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Lê Hữu Đ.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N, Trần Tất T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Lê Hữu Đ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu N 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/12/2018.

Bị cáo Trần Tất T 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/12/2018.

Bị cáo Lê Hữu Đ 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/12/2018.

- Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu N, Trần Tất T, Lê Hữu Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Thi hành án (để thi hành);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã Ký)

Lê Thị Hiệu